

Số: /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DƯ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp công tác và cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23/11/2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 14/2026/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Xét đề nghị của Trưởng Thống kê tỉnh tại Tờ trình số /TTr-TKT ngày /7/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công tác và cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thống kê - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp công tác và cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về mục đích, nguyên tắc, cơ chế, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp trong các hoạt động điều tra thống kê, cung cấp, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh.
2. Nội dung phối hợp bao gồm:
 - a) Thu thập, tổng hợp thông tin thống kê;
 - b) Cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê;
 - c) Khai thác, sử dụng thông tin thống kê;
 - d) Phối hợp trong hoạt động điều tra thống kê thường xuyên, tổng điều tra thống kê;
 - đ) Phối hợp công tác thống kê khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thống kê tỉnh.
2. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các sở, ban, ngành tỉnh).
3. UBND xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin thống kê* là dữ liệu thống kê được xử lý, tổng hợp và phân tích theo phương pháp, quy trình, chuyên môn, nghiệp vụ thống kê để phản ánh đặc trưng, thuộc tính của hiện tượng nghiên cứu. Thông tin thống kê gồm số liệu

thống kê và bản phân tích số liệu đó.

2. *Dữ liệu thống kê* gồm dữ liệu định lượng và dữ liệu định tính để hình thành thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu.

3. *Dữ liệu hành chính* là dữ liệu của cơ quan nhà nước được ghi chép, lưu giữ, cập nhật trong các hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử.

4. *Điều tra thống kê* là hình thức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê về đối tượng nghiên cứu cụ thể theo phương pháp khoa học, thống nhất được xác định trong phương án điều tra thống kê cho mỗi cuộc điều tra.

5. *Chế độ báo cáo thống kê* là những quy định và hướng dẫn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành về việc thực hiện một tập hợp những báo cáo thống kê có liên quan với nhau để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc một hệ thống chỉ tiêu thống kê và tổng hợp thông tin thống kê khác phục vụ quản lý nhà nước.

6. *Hoạt động thống kê* là hoạt động xác định nhu cầu thông tin cần thu thập, chuẩn bị thu thập, thu thập, xử lý và tổng hợp, phân tích và dự báo, công bố phổ biến, lưu trữ, đánh giá chất lượng thông tin thống kê về hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

7. *Cơ sở dữ liệu thống kê* là tập hợp những dữ liệu, thông tin thống kê có liên quan với nhau được sắp xếp, tổ chức theo một cấu trúc nhất định để khai thác, quản lý và cập nhật phục vụ cho mục đích thống kê và mục đích khác theo quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu thống kê được hình thành chủ yếu từ dữ liệu, thông tin thống kê của điều tra thống kê, hồ sơ hành chính, báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương.

Điều 4. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, kịp thời, chính xác và thống nhất

a) Đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan quản lý Nhà nước;

b) Phục vụ công tác theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và các địa phương;

c) Kịp thời khắc phục các khó khăn, vướng mắc, chậm trễ hoặc sai lệch thông tin thống kê giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thiết lập hệ thống thông tin thống kê đồng bộ, liên thông, thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã

a) Bảo đảm kết nối thông suốt giữa Thống kê tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trong thu thập, tổng hợp và chia sẻ thông tin thống kê;

b) Chuẩn hóa danh mục chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp thu thập và quy trình xử lý số liệu;

c) Đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về công tác thống kê trong điều kiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

3. Nâng cao chất lượng, tính minh bạch và khả năng so sánh của số liệu thống kê

a) Bảo đảm số liệu thống kê phản ánh trung thực, khách quan tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và các địa phương;

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát, thẩm định và đối chiếu số liệu giữa các nguồn thông tin;

c) Công khai, minh bạch thông tin thống kê theo quy định của pháp luật, tạo sự thống nhất trong sử dụng số liệu.

4. Khai thác, sử dụng kịp thời, hiệu quả dữ liệu hành chính và các nguồn thông tin sẵn có

a) Tăng cường tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã;

b) Giảm thiểu trùng lặp trong thu thập thông tin, giảm chi phí và gánh nặng báo cáo cho cơ sở;

c) Từng bước chuyển đổi từ thu thập trực tiếp sang khai thác dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê.

5. Phục vụ hiệu quả việc xây dựng, giám sát, đánh giá và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội

a) Cung cấp thông tin đầu vào tin cậy phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và các địa phương;

b) Hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện các chương trình, đề án, chính sách;

c) Phục vụ công tác dự báo, cảnh báo sớm và đề xuất giải pháp điều hành phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tiễn của tỉnh và các địa phương.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo mật thông tin, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu; các quy định của pháp luật liên quan đến công bố, cung cấp, phổ biến, sử dụng thông tin thống kê;....

2. Công tác phối hợp và cung cấp, chia sẻ thông tin phải chủ động, kịp thời, hiệu quả trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

3. Xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của các bên trong phối hợp công tác và cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê.

4. Huy động cao nhất nguồn thông tin thống kê sẵn có và các nguồn lực khác trong sản xuất, cung cấp, phổ biến thông tin thống kê của Thống kê tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã trên cơ sở bảo đảm tính thiết thực, khả thi và hiệu quả.

5. Không cung cấp, chia sẻ thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước hoặc thông tin chưa được phép công bố.

Điều 6. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp định kỳ

a) Việc phối hợp cung cấp, trao đổi và chia sẻ thông tin thống kê được thực hiện theo định kỳ hằng tháng, quý và năm, phù hợp với kỳ báo cáo của từng loại chỉ tiêu thống kê;

b) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin đúng nội dung, thời hạn theo biểu mẫu thống kê đã ban hành;

c) Thống kê tỉnh chủ trì tổng hợp, rà soát, đối chiếu số liệu, kịp thời phát hiện sai lệch và yêu cầu các đơn vị liên quan giải trình, điều chỉnh (nếu có);

d) Kết quả phối hợp định kỳ được sử dụng làm căn cứ phục vụ đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội và công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

2. Phối hợp theo yêu cầu đột xuất

a) Việc phối hợp đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu của Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoặc khi phát sinh nhu cầu thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống;

b) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm ưu tiên bố trí nguồn lực, khẩn trương thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin theo yêu cầu, bảo đảm nhanh chóng, chính xác;

c) Thời hạn cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất được xác định cụ thể theo yêu cầu của cơ quan đề nghị hoặc văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh hoặc cơ quan cấp trên;

d) Thống kê tỉnh có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, phân tích và báo cáo kịp thời UBND tỉnh; đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan để kiểm tra, xác minh số liệu khi cần thiết.

3. Phối hợp theo nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê

a) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã có nhu cầu khai thác thông tin thống kê phục vụ quản lý, nghiên cứu, xây dựng chính sách gửi đề nghị đến Thống kê tỉnh hoặc cơ quan quản lý dữ liệu;

b) Việc cung cấp thông tin được thực hiện trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về thống kê, bảo mật thông tin và phạm vi chia sẻ dữ liệu;

c) Thống kê tình có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ khai thác, sử dụng thông tin thống kê đúng mục đích, hiệu quả.

4. Phương thức tổ chức phối hợp

a) Thực hiện thông qua hệ thống phần mềm thống kê, văn bản phối hợp (văn bản điện tử và văn bản giấy), các hình thức trực tiếp và trực tuyến;

b) Tổ chức họp, trao đổi nghiệp vụ định kỳ hoặc khi cần thiết để thống nhất số liệu và phương pháp thực hiện; phối hợp tổ chức đoàn khảo sát liên ngành;

c) Thiết lập đầu mối liên lạc tại mỗi cơ quan, đơn vị để bảo đảm phối hợp thông suốt, kịp thời.

Điều 7. Hình thức cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê

1. Cung cấp thông tin qua hệ thống phần mềm thống kê

a) Ưu tiên thực hiện cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin thông qua hệ thống phần mềm thống kê tập trung;

b) Bảo đảm dữ liệu được cập nhật trực tuyến, đồng bộ và có khả năng khai thác, tổng hợp tự động;

c) Thực hiện chuẩn hóa định dạng dữ liệu theo quy định.

2. Cung cấp thông tin bằng văn bản điện tử có ký số

a) Thực hiện thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành hoặc các nền tảng điện tử được phép sử dụng;

b) Văn bản phải được ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

c) Bảo đảm tính pháp lý, toàn vẹn và xác thực của thông tin.

3. Các hình thức cung cấp thông tin khác

a) Thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

b) Áp dụng trong trường hợp đặc thù hoặc khi hệ thống điện tử chưa đáp ứng;

c) Bảo đảm tính kịp thời, chính xác và an toàn thông tin.

Điều 8. Thông tin không được cung cấp, chia sẻ

1. Thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

2. Thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân chưa được phép cung cấp

a) Thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của tổ chức, cá nhân;

b) Thông tin cá nhân chưa được sự đồng ý hoặc chưa được phép theo quy

định.

3. Thông tin chưa bảo đảm chất lượng

a) Thông tin chưa được kiểm tra, thẩm định;

b) Thông tin chưa hoàn chỉnh, chưa được xác nhận chính thức;

c) Thông tin có dấu hiệu sai lệch, không chính xác.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

PHỐI HỢP TRONG TRIỂN KHAI CÁC CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Điều 9. Nội dung phối hợp trong triển khai các cuộc tổng điều tra thống kê

1. Phối hợp triển khai các cuộc tổng điều tra thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền; bảo đảm huy động đầy đủ nguồn lực và sự tham gia của cả hệ thống chính trị.

2. Phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tổng điều tra trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp rà soát, lập bảng kê, danh sách đơn vị điều tra trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Phối hợp tổ chức tuyên truyền sâu rộng, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng trước, trong và sau tổng điều tra về mục đích, ý nghĩa, nội dung điều tra; quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra; trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp tổ chức thu thập thông tin; thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, xử lý và tổng hợp số liệu theo đúng quy trình, bảo đảm chất lượng và tiến độ.

Điều 10. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong triển khai các cuộc tổng điều tra thống kê

1. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh, Tổ Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh (nếu có);

2. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện tổng điều tra.

3. Chủ trì tham mưu Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra và các văn bản khác có liên quan.

4. Chủ trì tổ chức triển khai các nội dung theo quy định của phương án tổng điều tra như: Tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên; tập huấn nghiệp vụ điều tra; công tác kiểm tra, giám sát;....

5. Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp với từng lĩnh vực, từng nhóm đối tượng điều tra; cung cấp, chia sẻ thông tin, tài liệu có liên quan nhằm phục vụ công tác tuyên truyền về các cuộc điều tra thống kê.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án Tổng điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh trong triển khai các cuộc tổng điều tra thống kê

1. Cử người tham gia Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh, Tổ Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh (nếu có); thực hiện nhiệm vụ theo phân công của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh .

2. Phối hợp cung cấp dữ liệu hành chính phục vụ tổng điều tra.

3. Tổ chức tuyên truyền tổng điều tra đến các đối tượng điều tra, đơn vị điều tra và các tổ chức cá nhân có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý tham gia cung cấp thông tin.

4. Phối hợp kiểm tra, đối chiếu, xác minh số liệu tổng điều tra thuộc lĩnh vực quản lý; phát hiện và kiến nghị xử lý các sai lệch, bất hợp lý về kết quả tổng điều tra (nếu có), phối hợp làm rõ nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án tổng điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong triển khai các cuộc tổng điều tra thống kê

1. Thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ công tác (nếu có); tổ chức triển khai tổng điều tra tại địa bàn.

2. Huy động lực lượng tham gia điều tra; bố trí điều tra viên, tổ trưởng phù hợp.

3. Tổ chức tuyên truyền tổng điều tra đến các đối tượng điều tra, đơn vị điều tra và các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn xã, phường.

4. Tạo điều kiện thuận lợi để điều tra viên thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin tại địa bàn.

5. Phối hợp kiểm tra, đối chiếu, xác minh số liệu tổng điều tra thuộc lĩnh vực quản lý; phát hiện và kiến nghị xử lý các sai lệch, bất hợp lý về kết quả tổng

điều tra (nếu có), phối hợp làm rõ nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án tổng điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tổng điều tra tỉnh.

Mục 2

PHỐI HỢP TRONG TRIỂN KHAI CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ THƯỜNG XUYỀN

Điều 13. Nội dung phối hợp trong triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên

1. Phối hợp tổ chức triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên theo phương án điều tra do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Phối hợp rà soát, xây dựng và cập nhật danh sách đối tượng điều tra, đơn vị điều tra; xác định, phân chia và quản lý địa bàn điều tra bảo đảm đầy đủ, chính xác, không trùng lặp, không bỏ sót, phù hợp với biến động thực tế.

3. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung điều tra; quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra; trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp đối chiếu, xác minh, xử lý, tổng hợp số liệu; phát hiện, xử lý sai sót, chênh lệch; bảo đảm tính chính xác, nhất quán giữa các nguồn thông tin trước khi sử dụng phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê.

Điều 14. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo về triển khai các Phương án điều tra trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì tổ chức triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên trên địa bàn tỉnh theo đúng phương án điều tra, kế hoạch và hướng dẫn của Trung ương.

3. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp xã trong việc rà soát, xác định đối tượng, phạm vi, địa bàn điều tra thuộc từng lĩnh vực quản lý.

4. Chủ trì tổng hợp, xử lý, phân tích số liệu; phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã có liên quan đối chiếu, xác minh số liệu trước khi sử dụng, công bố hoặc cung cấp theo quy định.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh trong triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên

1. Phối hợp cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính thuộc lĩnh vực quản lý phục vụ việc lập dàn mẫu, xác định đối tượng và đơn vị điều tra.
2. Tham gia góp ý về chuyên môn đối với nội dung điều tra thuộc lĩnh vực phụ trách; phối hợp rà soát danh sách đối tượng điều tra.
3. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin.
4. Cử cán bộ đầu mối phối hợp, tham gia các hoạt động điều tra, kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu.
5. Phối hợp kiểm tra, đối chiếu, xác minh số liệu điều tra thuộc lĩnh vực quản lý; phát hiện và kiến nghị xử lý các sai lệch, bất hợp lý về kết quả điều tra (nếu có), phối hợp làm rõ nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong triển khai các cuộc điều tra thống kê thường xuyên

1. Phối hợp lập, rà soát danh sách đối tượng điều tra; xác định địa bàn điều tra đến từng thôn, tổ dân phố.
2. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp đến các đối tượng điều tra trên địa bàn.
3. Huy động lực lượng tại chỗ tham gia điều tra khi cần thiết; bố trí điều tra viên phù hợp với địa bàn.
4. Tạo điều kiện thuận lợi để điều tra viên thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin tại địa bàn.
5. Phối hợp kiểm tra, xác minh, đối chiếu số liệu giữa các nguồn thông tin trên địa bàn; phát hiện và kiến nghị xử lý các sai lệch, bất hợp lý về kết quả điều tra (nếu có), phối hợp làm rõ nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Mục 3

**PHỐI HỢP TRONG TRIỂN KHAI CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ
PHỤC VỤ ĐỊA PHƯƠNG**

Điều 17. Nội dung phối hợp trong triển khai các cuộc điều tra thống kê phục vụ địa phương

1. Phối hợp xây dựng và triển khai phương án điều tra phục vụ địa phương theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Phối hợp lập danh sách đối tượng điều tra, đơn vị điều tra, cập nhật địa bàn điều tra, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

3. Phối hợp tuyên truyền đến các đối tượng điều tra, đơn vị điều tra và các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn xã, phường.

4. Phối hợp xử lý, tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong triển khai các cuộc điều tra thống kê phục vụ địa phương

1. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng phương án điều tra phục vụ địa phương theo chỉ đạo của UBND tỉnh; tham khảo ý kiến chuyên môn của các địa phương và các ngành có liên quan nhằm cụ thể hóa phương án điều tra phù hợp với đặc thù của tỉnh.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức tập huấn

a) Xây dựng tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, quy trình thu thập thông tin, phiếu điều tra và các biểu mẫu liên quan;

b) Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng tham gia điều tra (giám sát viên, điều tra viên và các đối tượng liên quan);

c) Hướng dẫn thống nhất việc áp dụng phương pháp thu thập, ghi chép, kiểm tra, xử lý và tổng hợp số liệu.

3. Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã trong việc đối chiếu, xác minh, hoàn thiện số liệu trước khi công bố.

4. Tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả điều tra; đề xuất sử dụng kết quả phục vụ quản lý, điều hành.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh trong triển khai các cuộc điều tra thống kê phục vụ địa phương

1. Phối hợp đề xuất nội dung điều tra thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Cử người phối hợp, tham gia các hoạt động điều tra thống kê khi có yêu cầu.

3. Cung cấp thông tin, dữ liệu hành chính liên quan phục vụ điều tra.

4. Phối hợp tuyên truyền, kiểm tra, xác minh, hoàn thiện số liệu điều tra.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong triển khai các cuộc điều tra thống kê phục vụ địa phương

1. Phối hợp triển khai điều tra tại địa bàn; tạo điều kiện thuận lợi để điều tra viên thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin tại địa bàn.
2. Cung cấp thông tin, lập danh sách đối tượng điều tra.
3. Cử người phối hợp, tham gia các hoạt động điều tra thống kê khi có yêu cầu.
4. Phối hợp kiểm tra, xác minh, hoàn thiện số liệu điều tra; kịp thời phát hiện các sai lệch, chênh lệch, bất hợp lý trong số liệu; phối hợp làm rõ nguyên nhân và thực hiện điều chỉnh theo đúng quy định.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của phương án điều tra hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Mục 4

PHỐI HỢP TRONG CUNG CẤP, CHIA SẺ THÔNG TIN THỐNG KÊ

Điều 21. Nội dung cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê

1. Thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố.
2. Thông tin thống kê từ chế độ báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã thực hiện.
3. Thông tin thống kê từ các cuộc điều tra thống kê
 - a) Kết quả các cuộc điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
 - b) Thông tin từ các cuộc điều tra thống kê chuyên ngành do các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã chủ trì thực hiện.
4. Thông tin thống kê từ cơ sở dữ liệu hành chính
 - a) Dữ liệu thống kê từ các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành hoặc phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành thuộc phạm vi quản lý các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã;
 - b) Các cơ sở dữ liệu thống kê khác có liên quan phục vụ công tác thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Biểu mẫu báo cáo thống kê

1. Biểu mẫu báo cáo thống kê phục vụ phối hợp cung cấp, chia sẻ phải được xây dựng thống nhất, đầy đủ, bảo đảm phục vụ công tác quản lý, điều hành và được quy định thành Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này. Mỗi biểu mẫu báo cáo phải xác định rõ các nội dung sau:
 - a) Ký hiệu, tên biểu mẫu báo cáo;
 - b) Nội dung, phạm vi chỉ tiêu: Xác định rõ khái niệm, phương pháp tính, phạm vi thu thập, đơn vị tính và nguồn số liệu;

c) Kỳ báo cáo: Quy định cụ thể tần suất cung cấp thông tin (tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất);

d) Đơn vị cung cấp thông tin: Xác định rõ các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã chịu trách nhiệm cung cấp;

đ) Thời hạn cung cấp: Quy định rõ thời điểm gửi báo cáo kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo;

e) Trách nhiệm kiểm tra, xác nhận số liệu: Quy định rõ trách nhiệm của đơn vị cung cấp và đơn vị tiếp nhận trong việc kiểm tra, xác nhận tính chính xác của số liệu.

2. Tổ chức rà soát, cập nhật biểu mẫu báo cáo thống kê

a) Hằng năm, Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã rà soát, chuẩn hóa biểu mẫu báo cáo thống kê phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn của địa phương.

b) Kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu thống kê phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành và quy định của pháp luật;

c) Việc sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo thống kê phải được tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê

1. Cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê định kỳ theo quy định cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

2. Cung cấp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu khác theo yêu cầu của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã trong cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê cho Thống kê tỉnh

1. Cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê định kỳ cho Thống kê tỉnh theo quy định tại Điều 21 và Khoản 1 Điều 22 Quy chế này, bảo đảm số liệu được tổng hợp theo đúng khái niệm, phạm vi, phương pháp tính và kỳ báo cáo quy định.

2. Cung cấp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu khác theo yêu cầu của Thống kê tỉnh nhằm phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

Mục 5

PHỐI HỢP TRONG KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ MỚI, TRỌNG ĐIỂM PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Điều 25. Nội dung phối hợp trong khảo sát, đánh giá các yếu tố mới, trọng điểm phục vụ đánh giá phát triển kinh tế - xã hội

1. Phối hợp tổ chức khảo sát, thu thập thông tin về các yếu tố mới phát sinh, động lực tăng trưởng kinh tế trên địa bàn; các công trình, dự án trọng điểm thuộc các lĩnh vực: giao thông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế.

2. Phối hợp xây dựng kế hoạch khảo sát, phương án thu thập thông tin bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Phối hợp tổ chức khảo sát thực tế tại doanh nghiệp, công trình, dự án; làm việc trực tiếp với chủ đầu tư, nhà thầu khi cần thiết.

4. Phối hợp thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh; tiến độ thực hiện, mức độ đóng góp của các công trình, dự án; các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ.

5. Phối hợp cung cấp thông tin phục vụ đánh giá phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm hoặc theo yêu cầu đột xuất.

Điều 26. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong khảo sát, đánh giá các yếu tố mới, trọng điểm phục vụ đánh giá phát triển kinh tế - xã hội

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, phương án thu thập thông tin về các yếu tố mới, công trình, dự án trọng điểm.

2. Tổ chức thực hiện khảo sát, thu thập, tổng hợp, phân tích và đánh giá các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

3. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành lựa chọn danh sách doanh nghiệp, dự án trọng điểm để khảo sát.

4. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả đánh giá, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

5. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc phối hợp cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 27. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh trong khảo sát, đánh giá các yếu tố mới, trọng điểm phục vụ đánh giá phát triển kinh tế - xã hội

1. Phối hợp cung cấp danh sách doanh nghiệp, công trình, dự án trọng điểm thuộc ngành, lĩnh vực quản lý. Phối hợp với Thống kê tỉnh lựa chọn đối tượng khảo sát phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cung cấp kịp thời thông tin, số liệu chuyên ngành; tình hình sản xuất, kinh doanh; tiến độ thực hiện các dự án.

3. Cử đầu mối phối hợp, tham gia các đoàn khảo sát khi có yêu cầu.

4. Phối hợp tạo điều kiện để cơ quan Thống kê hoặc đoàn khảo sát làm việc với doanh nghiệp, chủ đầu tư, đơn vị được khảo sát.

Điều 28. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong khảo sát, đánh giá các

yếu tố mới, trọng điểm phục vụ đánh giá phát triển kinh tế - xã hội

1. Tổ chức rà soát, cập nhật và cung cấp thông tin ban về các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; các công trình, dự án đầu tư, đặc biệt là dự án trọng điểm; các yếu tố mới phát sinh có khả năng tác động đến tăng trưởng kinh tế tại địa phương.

2. Hỗ trợ kết nối đề cơ quan Thống kê hoặc đoàn khảo sát làm việc với doanh nghiệp, chủ đầu tư, đơn vị được khảo sát; bảo đảm an ninh, trật tự và điều kiện cần thiết trong quá trình khảo sát thực tế.

Mục 6

PHỐI HỢP TRONG THU THẬP, TỔNG HỢP, TÍNH TOÁN CHỈ TIÊU TỔNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM VÀ CHỈ TIÊU THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG

Điều 29. Nội dung phối hợp trong thu thập, tổng hợp, tính toán chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường

1. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện phương pháp tính, quy trình tổng hợp và hệ thống biểu mẫu thu thập thông tin.

2. Phối hợp tổ chức thu thập thông tin, điều tra, khảo sát bổ sung trong trường hợp thiếu hụt dữ liệu.

3. Phối hợp kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý sai lệch số liệu giữa các nguồn thông tin.

4. Phối hợp đánh giá, phân tích kết quả tính toán, bảo đảm phản ánh đúng thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn.

Điều 30. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh trong thu thập, tổng hợp, tính toán chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường

1. Chủ trì tổ chức thu thập, tổng hợp, xử lý và khai thác các nguồn thông tin thống kê, dữ liệu hành chính phục vụ tính toán chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường.

2. Xây dựng hướng dẫn và thống nhất phương pháp luận, quy trình, biểu mẫu và hệ thống chỉ tiêu phục vụ tính toán; bảo đảm phù hợp với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, chuẩn mực thống kê và điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã trong việc cung cấp, chia sẻ thông tin phục vụ tính toán chỉ tiêu.

4. Chủ trì rà soát, đối chiếu, chuẩn hóa, tích hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau; xử lý trùng lặp, thiếu hụt thông tin; bảo đảm tính đầy đủ, nhất quán và độ

tin cậy của số liệu.

5. Thực hiện tính toán, biên soạn chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường.

6. Tổng hợp, báo cáo kết quả tính toán với UBND tỉnh; đồng thời cung cấp, chia sẻ thông tin cho các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định.

7. Định kỳ đánh giá, hoàn thiện phương pháp tính, quy trình tổng hợp; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tính toán và phổ biến chỉ tiêu.

8. Thực hiện công bố, phổ biến thông tin theo thẩm quyền; giải trình, làm rõ số liệu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 31. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh trong thu thập, tổng hợp, tính toán chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường

1. Thực hiện cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hành chính theo phân tổ đến địa bàn xã, phường theo ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Phối hợp với Thống kê tỉnh trong việc rà soát, đối chiếu, chuẩn hóa số liệu nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp và bỏ sót.

Điều 32. Trách nhiệm của UBND cấp xã trong thu thập, tổng hợp, tính toán chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm và chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã, phường

1. Tổ chức thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; cung cấp thông tin về các dự án đầu tư, công trình xây dựng, ... và các thông tin khác có liên quan trên địa bàn xã, phường.

2. Phối hợp với cơ quan Thống kê trong việc kiểm tra, xác minh, đối chiếu số liệu; tham gia đánh giá, ước tính các chỉ tiêu kinh tế trong trường hợp thiếu thông tin trực tiếp.

3. Thực hiện báo cáo số liệu theo đúng biểu mẫu, thời hạn và hướng dẫn của Thống kê tỉnh.

Mục 7

PHỐI HỢP TRONG CÔNG BỐ VÀ PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ

Điều 33. Phối hợp trong công bố và phổ biến thông tin thống kê

1. Thống nhất nội dung, phạm vi, thời điểm, hình thức và phương tiện công bố, phổ biến thông tin thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc công bố thông tin thống kê chính thức thuộc thẩm quyền của cơ quan Thống kê tỉnh; các cơ quan, đơn vị không công bố số liệu trái với số liệu đã được công bố chính thức.

3. Các cơ quan, đơn vị khi sử dụng thông tin thống kê phải bảo đảm thống nhất với số liệu đã được công bố, ghi rõ nguồn số liệu theo quy định.

4. Phối hợp phổ biến thông tin thống kê thông qua cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin chuyên ngành và các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Phối hợp phân tích, đánh giá tình hình, xu hướng phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực và địa bàn; cung cấp thông tin phân tích phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Thống kê tỉnh

a) Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn toàn tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; ban hành tài liệu hướng dẫn chi tiết, quy trình nghiệp vụ và biểu mẫu thực hiện;

c) Thiết lập đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, xử lý thông tin thống kê từ các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã;

d) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã tổ chức thực hiện chế độ cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê;

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Quy chế; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai sót, bất cập;

e) Tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phối hợp và cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã

a) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế trong phạm vi quản lý;

b) Ban hành hoặc rà soát, điều chỉnh quy định nội bộ bảo đảm phù hợp với Quy chế này;

c) Phân công công chức làm đầu mối trong công tác thống kê, chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thống kê tại địa phương;

d) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chế độ cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê;

đ) Báo cáo tình hình thực hiện, phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy chế này (qua Thống kê tỉnh).

4. Cơ chế phối hợp thực hiện

- a) Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã thực hiện phối hợp trên nguyên tắc chủ động, thường xuyên, kịp thời và hiệu quả;
- b) Trường hợp phát sinh vướng mắc, các bên chủ động trao đổi, thống nhất xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định;
- c) Khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả phối hợp, giảm thủ tục hành chính.

Điều 35. Công tác đánh giá và xử lý vi phạm

1. Đánh giá kết quả thực hiện

- a) Việc thực hiện Quy chế là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã;
- b) Kết quả thực hiện được tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và làm căn cứ phục vụ công tác thi đua, khen thưởng;
- c) Khuyến khích biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt.

2. Xử lý vi phạm

- a) Trường hợp không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin không chính xác, không đúng thời hạn, gây ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, điều hành sẽ bị xem xét trách nhiệm;
- b) Trường hợp vi phạm quy định về bảo mật thông tin, làm lộ bí mật Nhà nước hoặc sử dụng thông tin sai mục đích thì bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Trách nhiệm thi hành

- a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này;
- b) Thống kê tỉnh có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện.

2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- a) Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh yêu cầu mới, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp xã kịp thời phản ánh về Thống kê tỉnh;
- b) Thống kê tỉnh tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

Phụ lục 01
DANH SÁCH BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH VÀ UBND CẤP XÃ

Số TT	Ký hiệu biểu báo cáo	Tên biểu báo cáo	Kỳ báo cáo/thời gian gửi báo cáo	Cơ quan, đơn vị báo cáo
I	Các sở, ban, ngành tỉnh			
1	Biểu số: 01/VĐTNSĐP-SN	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	Các sở, ban, ngành tỉnh
2	Biểu số: 02/DMDANS-SN	Danh mục các dự án/công trình thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	
3	Biểu số: 03/DSTT-SN	Danh sách các tổng thầu/nhà thầu xây dựng các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do ban, ngành, đoàn thể tỉnh, ban quản lý dự án đầu tư	Kỳ quý: Trước ngày 12 tháng cuối quý. Riêng quý 4 gửi báo cáo trước ngày 12/11	
4	Biểu số: 04/CPXDCB-SN	Chi phí xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước địa phương quản lý	Kỳ năm: Trước ngày 12/11 hằng năm	
5	Biểu số: 05/KCCN-SN	Danh sách các khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Kỳ quý: Trước ngày 12 tháng cuối quý	- Sở Công Thương; - Sở Tài chính; - Ban Quản lý các khu công nghiệp; - Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp.
6	Biểu số: 06/DSDA-SN	Danh sách các dự án đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	
7	Biểu số: 07/DSDAHD-SN	Danh sách các dự án đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp, khu kinh tế và cụm công nghiệp mới đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	
8	Biểu số: 08/DABĐS-XD	Danh sách các dự án nhà ở, khu đô thị trên địa bàn tỉnh	Kỳ năm: Lần 1: Trước ngày 12/11 hằng năm Lần 2: Trước ngày 15/01 hằng năm	Sở Xây dựng

Số TT	Ký hiệu biểu báo cáo	Tên biểu báo cáo	Kỳ báo cáo/thời gian gửi báo cáo	Cơ quan, đơn vị báo cáo
9	Biểu số: 09/PTVT-XD	Số phương tiện vận tải trong các đơn vị kinh doanh vận tải có tại thời điểm ngày 31/12	Kỳ năm: Trước ngày 15/01 hằng năm	
10	Biểu số: 10/TVL-THUE	Danh sách các doanh nghiệp tỉnh ngoài nộp thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh trên địa bàn tỉnh	Kỳ quý: Trước ngày 12 tháng cuối quý	Thuế tỉnh
11	Biểu số: 11/PSDTQ-THUE	Danh sách doanh nghiệp phát sinh doanh thu, thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh	Kỳ quý: Trước ngày 12 tháng cuối quý	
12	Biểu số: 12/PSDTN-THUE	Danh sách doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh	Kỳ năm: - Lần 1: Ngày 15/3 hằng năm; - Lần 2: Ngày 15/4 hằng năm;	
13	Biểu số: 13/CSCT-THUE	Số cơ sở kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản (đến 31/12 hằng năm)	Kỳ năm: Trước ngày 15/01 hằng năm	
14	Biểu số: 14/DSDN-TC	Danh sách các dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Kỳ năm: Trước ngày 05/3 hằng năm	Sở Tài chính
15	Biểu số: 15/DSDN-TC	Danh sách doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp, quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh có đến 31/12 hằng năm	Kỳ năm: Trước ngày 05/3 hằng năm	
16	Biểu số: 16.Q/NNXH-SNV	Biểu tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kỳ quý: Trước ngày 25 tháng cuối quý	Sở Nội vụ
17	Biểu số: 17.Q/NNXH-SYT	Biểu tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kỳ quý: Trước ngày 25 tháng cuối quý	Sở Y tế
18	Biểu số: 18.Q/NNXH-BH	Biểu tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội	Kỳ quý: Trước ngày 25 tháng cuối quý	Bảo hiểm Xã hội tỉnh Hưng Yên
19	Biểu số: 19.N/NNXH-BH	Báo cáo số người đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp	Kỳ năm: Trước ngày 05/4 hằng năm	
20	Biểu số: 20.T/NNXH-NNMT	Báo cáo chính thức số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Kỳ tháng: Trước ngày 25 hằng tháng	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Số TT	Ký hiệu biểu báo cáo	Tên biểu báo cáo	Kỳ báo cáo/thời gian gửi báo cáo	Cơ quan, đơn vị báo cáo
21	Biểu số: 21.N/NNXH-NNMT	Báo cáo chính thức số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Kỳ năm: Trước ngày 25/12 hằng năm	
22	Biểu 22/VT-KHCN	Một số chỉ tiêu về viễn thông trên địa bàn tỉnh	Kỳ quý: Trước ngày 15 tháng cuối quý. Riêng quý 4 gửi báo cáo trước ngày 12/11	Sở Khoa học và Công nghệ
II	Các xã, phường			
1	Biểu số: 01/VĐTNSĐP-XA	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	UBND cấp xã
2	Biểu số: 02/DMDANS-XA	Danh mục các dự án/công trình thực hiện thuộc nguồn vốn đầu tư công do địa phương quản lý	Kỳ tháng: Trước ngày 12 hằng tháng	
3	Biểu số 03/DSTT-XA	Danh sách các tổng thầu/nhà thầu xây dựng các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do UBND cấp xã hoặc ban quản lý dự án cấp xã làm chủ đầu tư	Kỳ quý: Trước ngày 12 tháng cuối quý. Riêng quý 4 gửi báo cáo trước ngày 12/11	
4	Biểu số: 04/X0203-XA	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã, phường	Kỳ quý: Trước ngày 20 tháng cuối quý. Riêng quý 4 gửi báo cáo trước ngày 20/11	
5	Biểu số: 05/X0203-XA	Chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã, phường	Kỳ quý: Trước ngày 20 tháng cuối quý. Riêng quý 4 gửi báo cáo trước ngày 20/11	